

NGÔN NGỮ VĂN HỌC

CÁC PHẠM VI VÀ BÌNH DIỆN NGHIÊN CỨU

LÊ QUANG THIÊM

Ngôn ngữ văn học là một hình thức diễn đạt phức tạp và đa dạng. Từ lâu trong giới nghiên cứu ngôn ngữ và văn học, có một số người cứ lầm tưởng rằng đường như mọi ngôn ngữ đều đã được là ngôn ngữ văn học, chỉ khác biệt về hình thức và nội dung. Sự thực thì tình hình không được suôn sẻ như vậy. Nhiều vấn đề, trong đó có cả những vấn đề thuộc loại cổ bản ngôn ngữ học, chưa được giải quyết thấu đáo. Đặc biệt cần lưu ý nhiều hơn là vào những năm gần đây, khi giới nghiên cứu ngôn ngữ chú ý hơn trước đến lời nói (Parole), đến sự vận động biến đổi của ngôn ngữ và giới nghiên cứu văn học quan tâm ít hơn đến loại hình này, các tiếp cận thì pháp trong nghiên cứu phẩm văn học, thì vấn đề ngôn ngữ văn học thật sự trở thành vấn đề cấp bách cần được quan tâm nghiên cứu giải quyết.

Ở nước ta, trong các tài liệu về *Thuyết công*, về khái niệm, hiện tượng ngôn ngữ văn học được hiểu và giải thích rất khác nhau, thậm chí có cả đối lập nhau. Chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy tình hình đó, trước hết là ở cách dùng thuật ngữ và sự diễn đạt các khái niệm các nội hàm của khái niệm này. Hầu như phần lớn các công trình, kể cả các công trình gần đây mới, khi bàn trực tiếp hoặc gián tiếp đến hiện tượng người ta dùng để chỉ thuật ngữ *ngôn ngữ văn học*. Một số khác còn cho rằng gọi là *ngôn ngữ văn học*, *ngữ*, *ngữ chuẩn mực*, *ngôn ngữ toàn dân*, *ngôn ngữ thông nhất*...

Đĩ nhiên, chúng ta có thể thấy ở mỗi cách gọi như vậy của các tác giả khác nhau, hoặc có ý thức hoặc không, họ đều có giới thuyết bằng những đặc điểm nội dung do họ quan niệm và phát triển phần nào chúng có những điểm giống nhau. Song điều làm cho chúng ta khó an tâm bị giữa họ có những sự khác biệt khá căn bản, kể cả những khác biệt về nguyên tắc, những khác biệt về quan điểm xuất phát; Và tình trạng dùng nhiều thuật ngữ để chỉ cùng một hiện tượng, để gọi cùng một khái niệm như vậy đã bộc lộ tính chưa xác định, tính thiếu chính xác khoa học về luận trong thực khảo sát, dẫn đến sự nhầm lẫn trong vận dụng, định hướng; sử học và thực tiễn quả trong nghiên cứu, ứng dụng. Ngay đối với những tác giả cùng thống nhất dùng thuật ngữ *ngôn ngữ văn học*, thì không mấy khó khăn cho họ ta cũng nhận thấy rằng cách hiểu *đãi nội hàm khái niệm ngôn ngữ văn học* là khá khác nhau. Chẳng hạn có tác giả tác định phạm vi vấn đề bằng cách phân biệt *ngôn ngữ văn học* với *ngôn ngữ toàn dân* và *ngôn ngữ hàng ngày* (1), tác giả khác lại dành cho sự phân biệt giữa *ngôn ngữ tự nhiên* và *ngôn ngữ văn hóa* (2) trong lúc đó tác giả thứ 3 lại nêu bật mối quan hệ giữa *ngôn ngữ văn học* với *ngôn ngữ toàn dân* khi nhận mạnh « Ngôn ngữ văn học là hình thức cao của ngôn ngữ toàn dân » (3), còn tác giả thứ tư

lại chỉ nói đến *ngôn ngữ văn hóa* như là hình thức cao nhất, ổn định nhất « làm công cụ văn hóa của dân tộc » với hàm nghĩa dùng khái niệm « *ngôn ngữ văn hóa* » thay cho khái niệm *ngôn ngữ văn học* xưa nay được ưa dùng (1). Chúng ta cũng bắt gặp một loạt tác giả quan niệm theo một hướng khác, hướng ngôn ngữ trong quan hệ với văn học. Trong số họ người tôi nhân minh đặc điểm ngôn ngữ trong tương quan với thể loại sáng tác văn học, ví dụ có người nêu bật « *Những đặc trưng thẩm mỹ của ngôn ngữ tiểu thuyết* » (5) người thì chú ý quan hệ giữa ngôn ngữ với tư duy thể hiện qua ngôn ngữ văn học: « *Đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy* » (6); tác giả này thì nêu bật mối quan hệ giữa « *ngôn ngữ với thơ văn* » (7) còn các tác giả khác lại chỉ ra « *Đặc trưng các ngôn ngữ thơ ca* » (8), « *Ngôn ngữ truyện Kiều của Nguyễn Du* » (9), « *Ngôn ngữ thơ Tố Hữu* » (10) và gần đây nhất là « *Ngôn ngữ thơ* » (11), công trình xem xét ngôn ngữ của một thể loại văn học đặc trưng x ỉ từ góc độ ngôn ngữ học...

Quả thực, những quan niệm và cách thức tiếp cận mà chúng tôi dẫn ra một số làm thí dụ, xét từ nhiều góc độ khác nhau, thật là đa dạng. Dù không câu thiết đưa ra đây sự phân tích nội dung và xuất phát điểm nghiên cứu của họ, một cách tự nhiên, ta có thể phân chia các loại quan niệm đã nêu thành ba phạm vi, ba nhóm xuất phát điểm nghiên cứu khác nhau sau đây.

a) Nhóm một là nhóm thuộc vào phạm vi của những nhà nghiên cứu văn học v ới các khuynh hướng, trường phái khác nhau, trong đó chủ yếu cần kể đến cách thức tiếp cận của những nhà nghiên cứu theo hướng xã hội — lịch sử và thi pháp học.

b) Nhóm hai là nhóm thuộc phạm vi hay cách tiếp cận của những nhà nghiên cứu ngôn ngữ học, xem xét ngôn ngữ văn học từ góc độ ngôn ngữ học.

c) Nhóm ba là nhóm thuộc phạm vi hay tuyến tiếp cận của những nhà giáo dục pháp sư phạm ngữ văn học và những nhà nghiên cứu chuẩn hóa ngôn ngữ. Quả là sự lặp hợp, phân chia như vừa dẫn không cho phép phân ánh chỉ tiết và không bao quát được sự đa dạng trong ý kiến và quan niệm của họ. Song dù sao cũng không thể bác bỏ được các ý niệm về sự gần gũi giữa họ khi phân tích chia cắt đối tượng nghiên cứu ra các bình diện phong phú, phức tạp tương ứng với các phạm vi đối tượng vốn tồn tại khách quan mà những người nghiên cứu hướng đến.

Có thể nhận thấy rằng sự khác nhau trong quan niệm, trong cách nhìn nhận hiện tượng được gọi là *ngôn ngữ văn học* còn thể hiện ở cách nhìn nhận *bản chất đối tượng* nghiên cứu. Tuyệt đại bộ phận các tác giả xem xét ngôn ngữ văn học khi xác định nó từ mặt *đặc điểm phẩm chất*, từ mặt *chất lượng*. Trong sử dụng thuật ngữ, xét về cấu tạo, họ quan niệm *ngôn ngữ* như là công cụ, phương tiện, còn định ngữ *văn học* như là một phẩm chất cao, tinh luyện của phương tiện này. *Ngôn ngữ văn học*, theo họ, là ngôn ngữ đạt đến trình độ cao, chuẩn mực, chọn lọc... được sử dụng như một phương tiện sáng tạo các giá trị văn học. Một số khác quan niệm yếu tố *văn học* trong cấu tạo thuật ngữ *ngôn ngữ văn học* là một trạng thái, một bề bề gắn liền với hàm ý: ngôn ngữ trong tác phẩm văn học, ngôn ngữ của các sáng tác văn học nghệ thuật, ngôn ngữ của các thể loại văn học: thơ ca, tiểu thuyết, kịch v.v... Ở cách nhìn thứ hai này ngôn ngữ cũng có được xem xét từ góc độ chất lượng, nhưng trong một phạm vi rộng. Nó không chú ý nhiều về *phẩm chất cấu tạo* của ngôn ngữ văn học

hư là một hệ thống—cấu trúc mà chủ yếu nhằm minh định *phạm vi tồn tại*, phạm vi hoạt động chức năng, chức năng làm vật liệu trong các tác phẩm văn học nghệ thuật.

Có thể nói rằng cả hai loại quan niệm đó nêu trên có sự nhầm lẫn hoặc đúng không thật chính xác nội dung thuật ngữ *ngôn ngữ*. Như đã biết *ngôn ngữ* có thể được xem xét từ mặt phẩm chất, đó là sự thống nhất quy trình tượng từ các biểu hiện là dạng của *ngôn ngữ* cũng có thể coi là chức hiệu, là sự thể hiện cụ thể có một phạm vi, một dạng tồn tại nào đó, trong đó có cả ở dạng điển hình nhất là các thể loại sáng tác văn học nghệ thuật. Trong trường hợp thứ nhất, về mặt nguyên tắc, cần phân biệt khái niệm *ngôn ngữ và lời* nói theo nội dung *ngôn ngữ học* bao hàm cái ý nghĩa phương pháp luận sau sự có được từ thời F. de Saussure và được bổ sung thêm cho đến ngày nay, trong trường hợp thứ hai cần nhắc lại nhiều luận điểm đến khía cạnh *bản chất—phẩm chất* (ngôn ngữ trừu tượng) và *chức hiệu, sự thể hiện—phạm vi thể hiện* (lời nói, cụ thể), dù là ở phạm vi thể hiện điển hình đặc trưng nhất thông qua các văn bản văn học nghệ thuật. Hiện nhiên là không có đường ranh giới tuyệt đối, vùng khác giữa *ngôn ngữ và lời* nói, mà đó chỉ là một tồn tại trong thể thống nhất nên có liên tục. Ở dạng điển hình, bản chất chung là các tồn tại trong thể đối lập—thống nhất giữa cái chung và cái riêng, cái khái quát và cụ thể, cái bản chất, trừu tượng và thể hiện cụ thể sinh động. Ngôn ngữ văn học xét về bản chất, dù từ góc độ nào cũng cần thừa nhận là một thể trừu tượng khái quát được thể hiện bằng các phong phú đa dạng trong nhiều hình thức tồn tại, trong các loại hình phong cách—chức năng khác nhau đã được hình thành và phát triển trong quá trình sử dụng và sáng tạo ngôn ngữ dân tộc. Ngôn ngữ văn học là ngôn ngữ (langue), một thể ngôn ngữ tổng hợp, tính lý luận chủ không phải là lời nói (parole), dù là lời nói ở loại hình trừu tượng, dưới hình thức trong các văn bản văn học nghệ thuật.

Ngôn ngữ văn học về mặt bản thể là một hiện tượng có tính xã hội—lịch sử. Ngôn ngữ xuất hiện cùng với sự xuất hiện của con người và tồn tại phát triển gắn liền với xã hội loài người. Song tuyệt nhiên không phải mọi ngôn ngữ đều có thể được xem là ngôn ngữ văn học và mọi ngữ độ phát triển hoạt động của một ngôn ngữ nào đó đều được coi là ngôn ngữ văn học. Về mặt cấu tạo, một ngôn ngữ được coi là ngôn ngữ văn học nếu hình thức và phẩm chất của nó phát triển đến mức hoàn chỉnh ổn định về hệ thống ngữ âm ngữ pháp, phong phú về từ vựng và thường là có văn tự. Ngôn ngữ văn học là ngôn ngữ thống nhất chuẩn mực, nó được ràng buộc bởi chuẩn hóa, điển hóa ngôn ngữ, được thừa nhận chung với cả cộng đồng ngôn ngữ và dễ hiểu đối với mọi người. Với hình thức trừu tượng ngôn ngữ văn học được tổng hợp trên nền tảng của ngôn ngữ thống nhất và phát triển của dân tộc, được thể hiện qua các loại hình phong cách chức năng đa dạng với nhiều phương tiện biểu hiện phong phú khác nhau. Về mặt hành chức và hoạt động ngôn ngữ văn học được bộc lộ hiện diện không chỉ như một công cụ giao tiếp mà còn là công cụ tư duy và sáng tạo văn hóa thành văn. Nó được thể hiện định hình trong nhiều loại hình giao tiếp với các phong cách chức năng khác nhau và cố định trên một loại văn tự nhất định (văn bản) và cả qua truyền miệng (ngôn bản). Nó là sự thống nhất hợp thành từ ngôn ngữ viết và nói, sách vở và hội thoại. Về lịch sử và trình độ phát triển, ngôn ngữ văn học thường xuất hiện trong thời kỳ thống nhất dân tộc, là ngôn ngữ

quốc gia chuẩn mực. Trong tương ứng giữa trình độ thông hiểu và phát triển dân tộc với ngôn ngữ văn học ta có thể nói đến thứ *ngôn ngữ văn học tiên dân tộc*, *ngôn ngữ văn học cận dân tộc* và thừa đáng hơn cả là *ngôn ngữ văn học dân tộc thống nhất phát triển*, *ngôn ngữ văn học của quốc gia thống nhất chuẩn mực*. Vì vậy cần hiểu sử dụng thuật ngữ *ngôn ngữ văn học* là phạm vi thực thể trừu tượng với các đặc điểm nêu trên. Đó là các đặc điểm bản chất và có thể được chia cắt thành các khía cạnh, góc độ khác nhau, theo các loại, đơn khác nhau: đồng đại và lịch đại, cấu trúc và chức năng, tồn tại và biến đổi, bản chất và phạm vi hiện diện, biến thể và bất biến thể v.v... Với sự nhận thức quát bản chất nội dung khái niệm *ngôn ngữ văn học* của học như vậy chúng ta cần định hướng dẫn nội hàm khái niệm *ngôn ngữ văn học* cho yếu tố «*ngôn ngữ*» trong thành ngữ *ngôn ngữ văn học* và đồng thời cho phép làm sáng tỏ nội dung của từ «*ngôn ngữ*» trong thành ngữ *ngôn ngữ văn học* và *ngôn ngữ văn học* và *ngôn ngữ nghệ thuật* là những khái niệm khác với khái niệm *ngôn ngữ văn học* song lại có quan hệ chặt chẽ với nó và là những phạm vi, những thành phần liên quan mà ta sẽ xét tiếp dưới đây.

Nếu xem xét ngôn ngữ văn học không chỉ là không đặc điểm bản thể như nói ở trên mà chú ý hơn đến *phạm vi hoạt động* bình diện *lý công cụ sáng tạo văn hóa* chúng ta cần thiết sử dụng thuật ngữ *ngôn ngữ văn hóa*. Trong quan hệ với ngôn ngữ văn học, thuật ngữ *ngôn ngữ văn hóa* như là một biến thể, như là một thuật ngữ chỉ phạm vi hoạt động, phạm vi hành chức của ngôn ngữ văn học trong sáng sáng tạo và lưu giữ văn hóa dân tộc. Ngôn ngữ văn hóa là ngôn ngữ văn học được sử dụng như một công cụ - phương tiện để sáng tạo, cố định các thành tựu tư duy và sáng tác văn hóa thành văn bản dân tộc đồng thời nó là phương tiện lưu giữ, bảo tồn các thành tựu văn hóa thành văn của dân tộc. Ngôn ngữ văn hóa là ngôn ngữ văn học thể hiện trong nhiều loại hình văn bản, nhiều địa hạt lĩnh vực sáng tạo, tư duy đa dạng của dân tộc: khoa học, triết học, kinh tế, mỹ học, chính trị, pháp quyền, quân sự, ngoại giao v.v... Trong đặc trưng thể hiện, ngôn ngữ văn hóa là thứ ngôn ngữ có địa hạt văn bản văn tự, là thứ ngôn ngữ viết. Nó có được nhờ qua học tập, trao đổi, rèn luyện ngôn ngữ trong quan hệ hữu cơ với văn học văn và tri thức về biết khoa học của người viết. Như vậy công cụ thể loại ngôn ngữ văn hóa là một sự thể hiện chức năng ở một hình thức riêng, ở một hình thức của ngôn ngữ văn học - bình diện công cụ sáng tạo cố định các thành tựu văn hóa dân tộc. Trong quan hệ với người nói ngôn ngữ văn hóa là thứ ngôn ngữ phải trải qua học tập rèn luyện, trao đổi mới có. Ngôn ngữ văn hóa là ngôn ngữ thuộc văn học trong sáng nhất. Nó bị qui định bởi địa hạt, có tính qui ước khoa học, có giá trị trong tin cậy và chính xác. Ngôn ngữ văn hóa thường hiện diện trong các văn bản nghị luận chính trị - xã hội, khoa học - kỹ thuật, kinh chính - pháp chế, quân sự, ngoại giao v.v... Có một điều cần nhận thức thêm chính xác, thiếu phạm vi khái niệm ngôn ngữ văn học và ngôn ngữ văn hóa mà người ta có ý định dùng thuật ngữ này thay cho thuật ngữ văn học loại ra ngoài một phạm vi đời sống quan trọng trong nghệ thuật văn chương, phạm vi tồn tại của nó cũng vẫn làm cho học kỹ thuật, nghị luận chính trị xã hội... nơi chúng là những văn bản không mang đặc tính nội dung văn học. Đó là một nhận thức lệch lạc một sự nhầm lẫn, bỏ sót đáng tiếc cần được khắc phục sớm nhất. Đồng thời cần đặt quan trọng

hầu cần phải thấy là không hẳn mọi người biết ngôn ngữ, mọi văn bản được viết ra đều được xem là ngôn ngữ văn hóa. Ngôn ngữ văn hóa là ngôn ngữ văn học tự nhiên được nâng cao, được sử dụng trong lĩnh vực văn hóa thành văn. Muốn có được ngôn ngữ văn hóa, đối với người nói phải trải qua học tập rèn luyện, hiểu biết ngôn ngữ và tri thức khoa học. Đối với dân tộc nó gắn liền, có quan hệ chặt chẽ với các trình độ phát triển văn hóa dân tộc. Phân biệt với thuật ngữ và khái niệm ngôn ngữ văn học và ngôn ngữ văn hóa, chúng ta có thể dùng thuật ngữ *ngôn ngữ nghệ thuật* hay *ngôn ngữ văn chương* để chỉ một nội hàm khác, một phạm vi khác biệt với ngôn ngữ văn học và ngôn ngữ văn hóa, mặt đầu chúng đều quan hệ tương tác qua lại và qui định lẫn nhau. Trong mối quan hệ với ngôn ngữ văn học, *ngôn ngữ văn chương* hay *ngôn ngữ nghệ thuật* là một thứ ngôn ngữ văn học được hiện diện và sử dụng trong sáng tạo các tác phẩm văn học nghệ thuật. Không ai không thừa nhận văn học là một loại hình sáng tạo độc đáo dùng ngôn ngữ để thể hiện. Ngôn ngữ là yếu tố thứ nhất của văn học. Văn học xét về trình độ điều luyện của sử dụng chất liệu sáng tạo thì đó là nghệ thuật của ngôn từ. Ngôn ngữ văn chương hay ngôn ngữ nghệ thuật là một bình diện, một phạm vi tồn tại của ngôn ngữ mang đặc trưng thẩm mỹ nghệ thuật, mặt khác nó mang phẩm chất cao của sự hiện diện ngôn ngữ văn học—phẩm chất làm chất liệu trực tiếp sáng tạo nghệ thuật. Đồng thời với những phẩm chất cơ bản nhất, ngôn ngữ nghệ thuật cần được hiểu là một ngôn ngữ tổng hợp đa dạng, bao gồm nhiều loại hình phong cách chức năng. Với ý nghĩa ấy chúng ta hiểu đó là ngôn ngữ trong thuộc tính cơ bản của tác phẩm văn học nghệ thuật. Sự hiện diện nhiều loại hình phong cách chức năng trong tác phẩm văn học là một thực tế tồn tại chứ không phải là bản chất của ngôn ngữ nghệ thuật. Sự hiện diện nhiều loại hình không làm hòa tan thuộc tính bản chất nghệ thuật của ngôn ngữ nghệ thuật, ngôn ngữ văn chương là ngôn ngữ văn học mang đặc trưng phẩm chất công cụ nghệ thuật có tính nghệ thuật cao, mang phong cách chức năng văn học nghệ thuật. Nó phân biệt với ngôn ngữ văn học hiện diện trong các loại hình phong cách khác như phong cách nghị luận chính trị xã hội, phong cách khoa học kỹ thuật v.v... Do đặc trưng của sự đa dạng trong thể hiện cuộc sống nhiều mặt về nó được định hình trong nhiều thể loại sáng tạo khác nhau, ngôn ngữ nghệ thuật (ngôn ngữ văn chương) mang thuộc tính riêng của mỗi thể loại văn học. Song dù loại biệt, cả thể hóa đến đâu cũng như dù có đa dạng hóa, tổng hợp đến đâu thì ngôn ngữ nghệ thuật cũng không mất đi thuộc tính bản thể cũng như chức năng và sự hiện diện đặc trưng của nó, đặc trưng nghệ thuật. Hòa tan nó trong cái chung hoặc quá đề cao cái riêng đến mức biệt lập, không còn ranh giới xác định đều làm phương hại đến cách tiếp cận bản chất cũng như giá trị đặc trưng của ngôn ngữ nghệ thuật. Xác định đúng bản chất, đồng thời khám phá sự hiện diện muôn màu, muôn vẻ trong nhiều thể loại sáng tác, trong nhiều tài nghệ hay hoa của nghệ sĩ ngôn từ sẽ giúp chúng ta khám phá đúng đặc trưng của ngôn ngữ nghệ thuật, thấy rõ hơn sự hiện diện độc đáo của ngôn ngữ văn học trong một loại hình thể hiện và sáng tạo độc đáo của ngôn ngữ, ngôn ngữ trong văn học nghệ thuật, ngôn ngữ nghệ thuật, ngôn ngữ văn chương.

Không còn nghi ngờ gì nữa ngôn ngữ văn học là một thực thể trừu tượng đa dạng phức tạp. Về mặt bản thể tồn tại cũng như tri thức về đối tượng này là rất phong phú nhiều vẻ. Bằng sự phân biệt bản chất và chức năng, bản thể và phạm vi tồn tại chúng ta có được các phạm vi, các bình diện của đối tượng, phát hiện ra các mặt hiện diện và hoạt động hành chức của ngôn ngữ văn học cũng như xác định đúng việc sử dụng thuật ngữ chính xác với nội hàm khái niệm tương ứng: ngôn ngữ văn học, ngôn ngữ văn hóa, ngôn ngữ nghệ thuật (ngôn ngữ văn chương). Chúng ta cũng xác định được các phạm vi nghiên cứu, khám phá nhiều điều lý thú, tránh được những nhầm lẫn trong nghiên cứu hiện tượng cũng như vận dụng đúng được những khái niệm khoa học vốn phức tạp và khó xác định này.

Chơ thích

1. Hoàng Thị Châu. Soát lại cách nhận thức một số khái niệm ngôn ngữ học. Tập: Chuẩn hóa tiếng Việt—Hà Nội 1979;
2. Trần Thanh Đạm. Ngôn ngữ tự nhiên và ngôn ngữ văn hóa. Ngôn ngữ, số 3, 1974.
3. Nguyễn Hàm Dương. Một số vấn đề về lý thuyết và chuẩn hóa tiếng Việt. Tập: Chuẩn hóa tiếng Việt. Hà Nội 1979
4. Hoàng P. Nê. Về vấn đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Tập: Nghiên cứu ngôn ngữ học, tập 1, Hà Nội 1968.
5. Phan Cự Đệ. Những đặc trưng thẩm mỹ của ngôn ngữ tiểu thuyết. Ngôn ngữ, số 1, 1974.
6. Đinh Văn Đức. Đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy. Tạp chí khoa học, ĐHTH, số.1 1985.
7. Hoàng Tuệ. Ngôn ngữ với thơ văn. Tập: Cuộc sống ở trong tù Hà Nội 1984.
8. Hà Minh Đức. Thơ và mấy vấn đề trong thơ Việt Nam hiện đại. Hà Nội 1974
9. Phan Ngọc. Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều. NXB. KHXH, H, 1985.
10. Trần Đình Sử. Thi pháp thơ Tố Hữu. Hà Nội, 1986.
11. Nguyễn Phan Cẩm, Ngôn ngữ học. H: 1. 8